

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MD03235** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Thiết kế trình diễn trên máy tính (PowerPoint)**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD		
1	21BTTV0193	Đỗ Nhật Lan	Anh	28/06/2006				8	9.5	8			0.0	0.0	3.4
2	21BTTV0194	Lâm Ngọc Lan	Anh	23/01/2006				9	9.5	9			9.0		9.1
3	21BTTV0195	Trương Văn	Các	02/07/2006				8	6.5	7			7.0		7.0
4	21BTTV0196	Trương Thị Diệu	Dâng	27/08/2006				7	8.5	8			7.5		7.7
5	21BTTV0197	Trần Thái	Dương	15/05/2006				8	7.5	8			7.0		7.3
6	21BTTV0198	Trần Thị Bảo	Duyên	24/04/2006				7	8	8			7.0		7.3
7	21BTTV0199	Võ Thị Minh	Giang	14/08/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
8	21BTTV0200	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	14/11/2005				9	7.5	7.5			6.8		7.2
9	21BTTV0201	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	02/02/2006				10	9	9.5			9.3		9.3
10	21BTTV0202	Nguyễn Văn	Lợi	24/04/2006				7	8	8			7.0		7.3
11	21BTTV0203	Huỳnh Thị Kim	Ngân	15/02/2004				9	9	8.5			8.0		8.3
12	21BTTV0205	Nguyễn Kim	Ngân	02/06/2006				9	8	8.8			7.5		7.9
13	21BTTV0206	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	08/11/2006				9	9	9			8.0		8.4
14	21BTTV0207	Trương Kim	Nguyên	18/12/2006				8	8	8.5			7.0		7.5
15	21BTTV0208	Trần Bảo	Phát	08/06/2006				8	8	8			8.3		8.2
16	21BTTV0209	Đỗ Thị Tố	Quyên	15/03/2006				9	9	9			8.0		8.4
17	21BTTV0210	Thạch Thảo	Quyên	10/01/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
18	21BTTV0211	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	21/06/2006				8	9	9			8.0		8.3
19	21BTTV0212	Trần Ngọc Như	Quỳnh	02/12/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
20	21BTTV0213	Thái Anh	Thư	08/09/2006				8	7.5	8			8.0		7.9
21	21BTTV0214	Lê Diệp Thuý	Tiên	11/10/2006				10	9.5	10			9.5		9.6
22	21BTTV0215	Phan Trường	Tiền	15/08/2006				7	7	7.5			4.0		5.3
23	21BTTV0216	Lê Ngọc	Trâm	22/12/2005				7	7	7			7.0		7.0
24	21BTTV0217	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/12/2005				0	0	0			0.0	0.0	0.0
25	21BTTV0218	Nguyễn Thị Kim	Trang	09/05/2006				10	8.5	9			8.0		8.4
26	21BTTV0219	Đỗ Thị Hoàng	Trinh	11/10/2006				8	8	8.5			7.5		7.8
27	21BTTV0220	Dương Thị Kim	Trúc	23/08/2006				8	7.5	7.5			7.0		7.2
28	21BTTV0221	Phạm Thị Kim	Tuyền	04/02/2006				7	7	7.5			6.5		6.8
29	21BTTV0222	Ngô Thái Ngọc	Vân	26/08/2006				6	6.5	6.5			5.5		5.9
30	21BTTV0224	Lâm Quang	Vinh	08/01/2006				8	9	9.5			9.0		9.0
31	21BTTV0225	Nguyễn Thị Cẩm	Vý	12/07/2006				10	9	9			8.5		8.8
32	21BTTV0226	Nguyễn Kim	Xuyến	04/11/2006				7	7	7			7.0		7.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Hồng Phúc